

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 23/01/2018.
V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình – Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thời.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Vững.

Ông Mai Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lê Duy Khánh, là Thư ký Tòa án huyện Tháp Mười.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 392/2017/TLST–HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2017, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX - ST ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp 5B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp

- Bị đơn: Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khóm 4, TT Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Chị T có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2017, chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước hơn một năm, sau đó gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2016, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Khi cưới về, vợ chồng sống hạnh phúc được 09 tháng thì xảy ra mâu thuẫn từ chuyện anh T hay đi ăn nhậu, kinh tế gia đình phải lệ thuộc vào cha mẹ chồng, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh T ít quan tâm đến chị, chị buồn nên xin cha mẹ chồng và anh T về bên cha mẹ ruột ở khoảng 03 tháng, nhưng anh T vẫn lạnh nhạt với chị, không điện thoại cho chị và cũng không rước chị về, chị biết anh T không còn thương chị nữa, hiện nay tình cảm vợ chồng thật sự đã hết. Chị xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ mà chị T nộp cho Tòa án bao gồm: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình (photo).

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt. Theo tờ tự khai ngày 11/12/2017, anh T trình bày:

Anh và chị T kết hôn vào năm 2016, nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, khoảng 05 tháng nay sống ly thân. Nay T yêu cầu ly hôn anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ mà anh T nộp cho Tòa án bao gồm: Tờ tự khai ngày 11/12/2017 (bản chính); đơn xin vắng mặt (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh T, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung không có. Theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án huyện Tháp Mười.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...” và theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”.

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T .

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị T nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tú T và anh Nguyễn Hoàng T .

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 01655 ngày 14/11/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thới